

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGT-ST

Ngày 30-9-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phú Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Phùng Đình Bàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn H1 Nam – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Phan Huy H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu hành chính , phường Ng, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Phan Huy H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố Vinh Yên ngày 09 tháng 5 năm 2017. Sau ngày cưới chị về làm dâu và sinh sống cùng gia đình anh H1, tình cảm vợ chồng bình thường. Đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không tìm được tiếng nói chung, anh H1 luôn bắt chị PH1 làm theo ý của anh H1 và luôn đề nghị chị thay

đổi công việc. Bản thân chị nhận thấy rằng công việc làm kinh doanh bất động sản vừa giúp chị có thu nhập có thời gian cho gia đình nên chị không thay đổi, không những vậy anh H1 luôn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người con trai khác. Đầu năm 2022 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã Th, huyện T sinh sống, trong thời gian ly thân không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm, không quan T nhau và yêu thương nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị xác nhận anh chị có 01 con là Phan Trí T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2018, hiện cháu đang ở cùng anh H1. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Trong thời gian cháu T ở với anh H1, anh H1 luôn ngăn cản chị trong việc chăm sóc cháu T, anh H1 đã chuyển trường học của cháu T để chị không được thăm nom chăm sóc cháu. Hiện tại chị đang làm công việc kinh doanh bất động sản tại Công ty An Q có địa chỉ tại phường D, quận H, thành phố Hà Nội, thu nhập khoảng 15.000.000đ-20.000.000đ/01 tháng; chị có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu T, chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, khoản nợ, khoản có cho vay và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Phan Huy H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải, anh H1 trình bày:* Anh xác định về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng sống ly thân là đúng. Từ khi chị H làm công việc kinh doanh bất động sản, anh đã góp ý về mối quan hệ với bạn trai cũ nhưng chị H không thay đổi, chị H vẫn liên lạc với người đó khiến cho anh không được thoải mái. Anh có hỏi nhưng chị H không thừa nhận và anh có đề nghị chị H không làm công việc đó nữa nhưng chị H không nghe dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, tuy nhiên theo anh đó là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày, không đến mức phải ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Về con chung: Như chị H trình bày là đúng. Ly hôn, anh cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Hiện tại anh đang làm nhân viên tại Salon tóc Th có địa chỉ tại phường Ng, thành phố V, thu nhập khoảng 15.000.000đ-20.000.000đ/01 tháng; anh có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu T, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hơn nữa anh đang sống cùng bố mẹ đẻ, luôn được bố mẹ giúp đỡ cùng hỗ trợ trong việc nuôi cháu T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự thực hiện đúng quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phan Huy H1. Giao cháu Phan Trí T, sinh ngày 05/3/2018 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phan Huy H1 không pH1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H pH1 chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Huy H1, cư trú tại khu hành chính 10, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên; do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Huy H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Phan Huy H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, yêu thương nhau, vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau, dẫn đến hai bên sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Tại Biên bản hòa giải tại Tòa án anh H1 không đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải các lần tiếp theo và tại phiên tòa anh H1 đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh H1 không có hành động muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với chị H. Trong thời gian ly thân hai bên cũng không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H và anh H1 thấy rằng: Hai vợ chồng có 01 con chung là Phan Trí T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2018, hiện nay cháu T đang sinh sống cùng anh H1. Sau khi ly hôn, cả chị H và anh H1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy, việc chăm sóc nuôi dưỡng con cái là quyền và trách nhiệm của bố, mẹ; yêu cầu được nuôi con và chăm sóc con chung của chị H và anh H1 đều chính đáng; chị H và anh H1 đều có công việc và mức thu nhập ổn định. Tuy nhiên, cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ để cháu được phát triển một cách toàn diện. Chị H đang làm công việc kinh doanh bất động sản tại Công ty An Quý H, thu nhập khoảng 15.000.000đ-20.000.000/01 tháng; hiện nay chị đang ở cùng bố mẹ đẻ của chị ở thôn V, xã Th, huyện T, được bố mẹ tạo điều kiện về chỗ ăn ở nên cũng có chỗ ở ổn định. Do đó, để tránh xáo trộn về T lý và ổn định cuộc sống của cháu T, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho con chung được tốt nhất về thể chất và tinh thần, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, như yêu cầu của chị H là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh H1. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phan Huy H1.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trí T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2018 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên hoặc có thể lao động tự túc được. Anh Phan Huy H1 không pH1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị H pH1 nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0005088 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- UBND phường Ng, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Phú Lâm

ÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
BẢN ÁN 13/2021/HNGĐ-ST NGÀY 08/03/2021 VỀ TRANH CHẤP HÔN
NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Ngày 08/03/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 08/02/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thúy H, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
Hiện cư trú: Phố V, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thúy H trình bày:** Chị kết hôn với anh Đỗ Văn C ngày 29/02/2012, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã P nay là thị

trần V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hằng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm cãi chửi nhau, không bảo được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 12/01/2021. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ H H1, sinh ngày 25/01/2013, Đỗ Đức C1, sinh ngày 18/3/2014 và Đỗ Minh Đ, sinh ngày 14/12/2017. Hiện cả ba con đang ở cùng anh C, các con khỏe mạnh và phát triển bình thường; nay ly hôn chị xin nuôi cả ba con; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, còn việc anh C có quan tâm đến con hay không là quyền của anh C đối với con mình.

Về tài sản: Vợ chồng xin tự thỏa thuận, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:** Chị H trình bày về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn là đúng, nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: Như chị H trình bày là đúng, nay nếu ly hôn anh xin nuôi cả ba con; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, còn việc chị H có quan tâm đến con hay không là quyền của chị H đối với con mình. Về tài sản: Vợ chồng xin tự thỏa thuận, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm, chị xin được nuôi con nhỏ là Đỗ Minh Đ, còn để anh C nuôi hai con lớn, hiện chị đang làm công nhân tại khu công nghiệp Vân Trung thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/ tháng. Anh C có mặt trình bày thêm, nếu chị H để anh nuôi cả 3 con thì anh đồng ý ly hôn, còn nếu chị H không để anh nuôi cả 3 con thì anh không đồng ý ly hôn. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty Thống Nhất ở thị trấn Vôi thu nhập bình quân từ chín đến mười ba triệu đồng một tháng.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân, các đương sự trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh C đều có mặt. Do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử cho chị H được ly hôn anh C; Về con chung: Giao chị H nuôi cháu Đ, còn để anh C nuôi cháu H1 và cháu C1; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Cả chị H, anh C đều không đề nghị giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thúy H, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, hiện cư trú: Phố V, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn C, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị H xin được ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, đề nghị xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị H có mặt, anh C có mặt. Nên HĐXX áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thúy H kết hôn với anh Đỗ Văn C ngày 29/02/2012, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã P nay là thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không bao ban được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2021. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị H thiết tha xin được ly hôn, phía anh C không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị H là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh C để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh C sinh được 03 con chung là Đỗ H H1, sinh ngày 25/01/2013, Đỗ Đức C1, sinh ngày 18/3/2014 và Đỗ Minh Đ, sinh ngày 14/12/2017. Hiện ba con đang ở cùng anh C, các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị H xin nuôi cháu Đ, anh C xin được nuôi cả ba con; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy các bên có điều kiện nuôi con như nhau, tuy nhiên để đảm

bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị H, anh C khi nuôi con, phù hợp nguyện vọng của con trẻ; nên cần giao chị H nuôi cháu Đ, còn để anh C nuôi cháu H1 và cháu C1; các bên được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con, cả chị H và anh C đều không đề nghị tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, xét là phù hợp Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cả chị H và anh C đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị H pH1 chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 227; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thúy H được ly hôn anh Đỗ Văn C.

2/ Về con chung: Xử giao chị Phạm Thúy H nuôi con chung là Đỗ Minh Đ, sinh ngày 14/12/2017; anh Đỗ Văn C nuôi con chung là Đỗ H H1, sinh ngày 25/01/2013; Đỗ Đức C1, sinh ngày 18/3/2014; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; chị H, anh C được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở chị H, anh C thực hiện quyền này.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thúy H pH1 chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002837 ngày 20/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn H1 Ba

Nguyễn Thị Thúy Hà

Nguyễn Thị Trang Nhung

